

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày : 02/4/2025

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Lợi Ê Ban và ông R Mah In (A ma Ka)

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk:* Ông Trần Quốc Anh – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20/12/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày /02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST – HNGĐ ngày 17/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Châu Thị Kim L, sinh năm: 1985 (có mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Vĩnh N , sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Đồng trú tại: Thôn H, H, K, tỉnh Đắk Lắk

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và các biên bản làm việc, chị Châu Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân : Tôi và anh Nguyễn Vĩnh N tự nguyện kết hôn với nhau, chúng tôi đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H , K, Đắk Lắk vào năm 2006.

Trong cuộc sống vợ chồng, chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Nguyễn Vĩnh N nghi ngờ tôi ngoại tình, thường xuyên rượu chè rồi về đánh đập tôi không thương tiếc .

Nhận thấy, không thể hoà hợp để duy trì hạnh phúc gia đình nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Vĩnh N.

Về con chung : Tôi và anh Nguyễn Vĩnh N có 02 người con chung, tên là Nguyễn Vĩnh H, sinh năm 2004 và Nguyễn Vĩnh T , sinh năm : 2006. Các con tôi đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu trách nhiệm nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2025, anh [Nguyễn Vĩnh N](#) trình bày: Tôi và cô [Châu Thị Kim L](#) là vợ chồng. Chúng tôi đã đăng ký kết hôn tại [UBND xã H](#) vào năm 2006. Trong cuộc sống vợ chồng, chị [L](#) có tư tưởng ngoại tình nên vợ chồng thường lục đục với nhau, hay xảy ra xung đột. Tuy vậy, tôi không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Trường hợp cô [L](#) quyết tâm ly hôn thì tôi không yêu cầu Toà án giải quyết về vấn đề gì, chỉ mong vợ chồng đoàn tụ.

Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2025, [thôn T, H, K, tỉnh Đắk Lắk](#) cho biết : Anh [Nguyễn Vĩnh N](#) và chị [Châu Thị Kim L](#) có mâu thuẫn với nhau từ lâu. Anh [Nguyễn Vĩnh N](#) nghi ngờ chị [Châu Thị Kim L](#) có tình cảm với người đàn ông khác. Do không tin tưởng nhau nên anh [Nguyễn Vĩnh N](#) và chị [Châu Thị Kim L](#) thường to tiếng với nhau.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Chị [Châu Thị Kim L](#) và anh [Nguyễn Vĩnh N](#) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, K, Đắk Lắk](#) vào năm 2006. Do vậy, hôn nhân giữa chị [Châu Thị Kim L](#) và anh [Nguyễn Vĩnh N](#) là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do vợ chồng mâu thuẫn với nhau, không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị [Châu Thị Kim L](#) đối với anh [Nguyễn Vĩnh N](#) .

Đối với con chung: Chị [Châu Thị Kim L](#) và anh [Nguyễn Vĩnh N](#) có 02 người con chung là [Nguyễn Vĩnh H](#), sinh năm 2004 và [Nguyễn Vĩnh T](#) , sinh năm : 2006. Các con chung đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết . Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Chị [Châu Thị Kim L](#) yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn” với anh [Nguyễn Vĩnh N](#). Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại [xã H, huyện K, Đ](#). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về tố tụng:* Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh [Nguyễn Vĩnh N](#) không đến tham dự phiên tòa nhưng đây là lần thứ hai phiên toà được mở. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, [Đ](#) vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về hôn nhân:* Chị [Châu Thị Kim L](#) và anh [Nguyễn Vĩnh N](#) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H , K, Đắk Lắk](#) vào năm 2006. Do vậy, hôn nhân giữa chị [Châu Thị Kim L](#) và anh [Nguyễn Vĩnh N](#) là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị [Châu Thị Kim L](#) đối với [Nguyễn Vĩnh N](#) .

Về con chung: Chị [Châu Thị Kim L](#) và anh [Nguyễn Vĩnh N](#) có 02 người con chung là [Nguyễn Vĩnh H](#), sinh năm 2004 và [Nguyễn Vĩnh T](#), sinh năm : 2006. Các con chung đã trưởng thành và khoẻ mạnh nên các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết . Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị [Châu Thị Kim L](#) tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Châu Thị Kim L](#) về việc xin ly hôn với anh [Nguyễn Vĩnh N](#) .

Quan hệ hôn nhân giữa chị [Châu Thị Kim L](#) và anh [Nguyễn Vĩnh N](#) chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về án phí: Chị [Châu Thị Kim L](#) tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị [Châu Thị Kim L](#) đã nộp theo biên lai số 0007291 ngày 20/12/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án .

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoà Lễ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Huế